

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày 06-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Đặng Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Văn P, sinh năm 1962; (có mặt)

2. Bà Hồ Thị Kiều N, sinh năm 1965. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn S trình bày:

Ngày 17/8/2018, ông Đỗ Văn S có cho vợ chồng ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N vay số tiền 350.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà N có viết giấy mượn tiền đề ngày 17/8/2018 và ký tên, lăn tay xác nhận. Hai bên thỏa thuận, thời hạn vay tiền là 04 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng. Ông S đã giao cho bà N và ông P

số tiền 350.000.000 đồng. Bà N, ông P có giao cho ông S 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, sổ vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N để làm tin. Sau khi vay tiền, bà N và ông P không thanh toán tiền lãi cũng như nợ gốc cho ông S, không thực hiện đúng thỏa thuận mặc dù ông S đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông P và bà N thường né tránh, không trả nợ.

Do đó, ông S khởi kiện, yêu cầu ông Hồ Văn P và bà Hồ Thị Kiều N thanh toán tổng số tiền 353.500.000 đồng, gồm có nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 3.500.000 đồng.

Ông S đồng ý hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, sổ vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N cho ông P, bà N.

- Bị đơn ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N thống nhất trình bày:

Bà N, ông P thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về thời gian vay, số tiền vay. Ngày 17/8/2018, vợ chồng bà N, ông P có vay của ông S số tiền 350.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán nợ của vợ chồng, thời hạn vay tiền là 04 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng. Khi vay tiền, bà N có viết giấy mượn tiền ghi nhận việc vay số tiền 350.000.000 đồng của ông Đỗ Văn S (trong giấy mượn tiền ghi là Út Lớn). Đồng thời, bà N, ông P có giao cho ông S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, sổ vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N để làm tin. Bà N, ông P đã nhận đủ số tiền 350.000.000 đồng từ ông S. Do việc làm ăn không thuận lợi nên bà N, ông P không có tiền để thanh toán cho ông S như thỏa thuận. Do đó, khi đến hạn ông P, bà N vẫn chưa thanh toán nợ cho ông S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S thì bà N, ông P đồng ý thanh toán cho ông S tổng số tiền 353.500.000 đồng, gồm có nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 3.500.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần, mỗi tháng thanh toán số tiền 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, mỗi tháng số tiền 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N vi phạm bất kỳ lần thanh toán nào thì ông Đỗ Văn S có quyền yêu cầu bà N, ông P thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ. Ông S phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N, ông P.

Quá trình giải quyết vụ án, tại buổi hòa giải ngày 05/4/2019, nguyên đơn ông S và bị đơn bà N, ông P đã tự nguyện hòa giải thành, thống nhất về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán như ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên, ngày 09/4/2019, ông S có văn bản xin thay đổi ý kiến hòa giải thành, không đồng ý về phương thức thanh toán hai bên đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng. Ông S tự nguyện trả lại cho ông P, bà N một bản chính giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, số vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N. Bị đơn thống nhất thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay là 350.000.000 đồng với điều kiện được trả dần mỗi tháng 8.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Văn S khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N thanh toán số tiền vay là 350.000.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh B nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 3.500.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thừa nhận: Ngày 17/8/2018, ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N có vay của ông Đỗ Văn S số tiền 350.000.000 đồng. Ông P, bà N có giao cho ông S 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, số vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng với điều kiện

được trả dần hàng mỗi tháng số tiền 8.000.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn thống nhất.

[4] Nguyên đơn tự nguyện trả lại cho ông P, bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, sổ vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 350.000.000 đồng tương đương số tiền 17.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông P, bà N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có sự xác nhận của UBND phường Định Hòa nên Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% án phí. Ông P, bà N phải nộp số tiền 8.750.000 đồng. Ông Đỗ Văn S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn S về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N thanh toán số tiền lãi là 3.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn S đối với bị đơn ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Văn S số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn S về việc trả lại cho ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 928839, sổ vào sổ cấp GCN: CS06503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/7/2017 mang tên bà Hồ Thị Kiều N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn P, bà Hồ Thị Kiều N phải nộp số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn S số tiền 8.838.000 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033521 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung